

**BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3556 /LĐTBXH - LĐTL
V/v tăng cường quản lý lao động,
tiền lương của các Tập đoàn kinh tế,
Tổng công ty nhà nước

Hà Nội, ngày 26 tháng 9 năm 2014

Kính gửi:

- Bộ trưởng Bộ quản lý ngành;
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Chủ tịch Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước.

Trong những năm qua, Chính phủ đã ban hành các Nghị định quy định quản lý lao động, tiền lương trong doanh nghiệp nhà nước phù hợp với từng giai đoạn sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước nhằm tăng cường công tác quản lý đồng thời bảo đảm quyền chủ động của doanh nghiệp theo nguyên tắc thị trường, hội nhập quốc tế. Năm 2013, Chính phủ ban hành Nghị định số 50/2013/NĐ-CP, số 51/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 quy định quản lý lao động, tiền lương trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã ban hành Thông tư hướng dẫn số 18/2013/TT-BLĐTBXH, số 19/2013/TT-BLĐTBXH ngày 9 tháng 9 năm 2013 thay thế các Nghị định, Thông tư hướng dẫn thực hiện trước đây. Căn cứ các quy định trên, nhiều Tập đoàn, Tổng công ty đã tổ chức thực hiện việc quản lý lao động, tiền lương theo đúng quy định, xây dựng kế hoạch lao động, tiền lương, tuyển dụng và đào tạo, sử dụng lao động theo đúng yêu cầu, việc tuyển dụng, sử dụng lao động có sự giám sát, kiểm tra của các cơ quan chủ sở hữu đã góp phần sử dụng lao động hiệu quả, nâng cao chất lượng lao động, năng suất lao động và hiệu quả sản xuất, kinh doanh của Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước.

Tuy nhiên, vẫn có Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước chưa thực hiện đúng quy định của Nhà nước về quản lý lao động, tiền lương, tuyển dụng lao động không theo kế hoạch và phương án đã được phê duyệt, tuyển dụng vượt quá nhu cầu sử dụng hoặc không đáp ứng tiêu chuẩn công việc, không công khai, minh bạch trong việc tuyển dụng lao động; sử dụng lao động, trả lương chưa gắn với vị trí, chức danh công việc dẫn đến không hiệu quả, năng suất lao động, hiệu quả sản xuất, kinh doanh còn thấp, không bảo đảm đủ việc làm cho người lao động, phải giải quyết lao động dôi dư. Để chấn chỉnh tình trạng này, thực hiện Nghị định số 69/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2014 về tập đoàn kinh tế nhà nước và tổng công ty nhà nước, Nghị quyết số 64/NQ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về Phiên họp Chính phủ thường kỳ

tháng 8 năm 2014, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đề nghị Bộ trưởng Bộ quản lý ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước thực hiện một số nội dung sau:

1. Bộ trưởng Bộ quản lý ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

a) Chỉ đạo, đôn đốc Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước thuộc phạm vi quản lý rà soát lại định mức lao động; đánh giá các quy chế, việc tuyển dụng, sử dụng lao động, quy chế trả lương, quy chế thưởng; xây dựng kế hoạch lao động, tiền lương và thực hiện tuyển dụng, sử dụng lao động gắn với vị trí, chức danh, tiêu chuẩn công việc, bảo đảm công bằng, công khai và hiệu quả.

b) Quy định rõ thẩm quyền, chế độ trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước trong việc tuyển dụng, sử dụng lao động. Các tập đoàn kinh tế, tổng công ty chỉ được tuyển dụng lao động theo đúng số lượng, chất lượng theo kế hoạch được phê duyệt, trường hợp do yêu cầu công việc phải tuyển dụng thêm ngoài kế hoạch thì phải có ý kiến chấp thuận của chủ sở hữu. Coi đây là một nội dung để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm của Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc.

c) Đôn đốc Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước xác định quỹ tiền lương, quỹ tiền thưởng của người lao động; quỹ tiền lương, thù lao, quỹ tiền thưởng của viên chức quản lý, trên cơ sở đó phân phối tiền lương, tiền thưởng cho người lao động và viên chức quản lý theo đúng quy định tại Nghị định số 50/2013/NĐ-CP, số 51/2013/NĐ-CP và Thông tư số 18/2013/TT-BLĐTBXH, số 19/2013/TT-BLĐTBXH nêu trên.

d) Chỉ đạo Kiểm soát viên tại các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước rà soát lại các quy định của đơn vị về tuyển dụng, sử dụng lao động, xác định quỹ tiền lương, quỹ tiền thưởng và phân phối tiền lương, tiền thưởng báo cáo tình hình thực hiện và khuyến nghị các biện pháp xử lý (nếu có).

đ) Tổ chức kiểm tra, giám sát việc tuyển dụng, sử dụng lao động, xác định quỹ tiền lương, quỹ tiền thưởng và phân phối tiền lương, tiền thưởng tại các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước do mình làm chủ sở hữu. Trường hợp phát hiện nội dung không đúng quy định thì yêu cầu Hội đồng thành viên chỉ đạo sửa đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh, khắc phục, đồng thời tùy theo mức độ sai phạm để quyết định hình thức kỷ luật theo quy định của Chính phủ.

e) Tổng hợp, đánh giá tình hình tuyển dụng, sử dụng lao động, xác định quỹ tiền lương, quỹ tiền thưởng và phân phối tiền lương, tiền thưởng năm 2013

và năm 2014 trong các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước thuộc quyền quản lý theo biểu mẫu số 2 kèm theo công văn này và các biểu mẫu kèm theo Thông tư số 18/2013/TT-BLĐTBXH, số 19/2013/TT-BLĐTBXH nêu trên, gửi về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trước ngày 25 tháng 11 năm 2014 để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

2. Chủ tịch Hội đồng thành viên Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước:

a) Chỉ đạo Tổng giám đốc, Giám đốc rà soát hệ thống định mức lao động làm căn cứ xây dựng kế hoạch lao động, tuyển dụng và sử dụng lao động theo đúng kế hoạch được duyệt. Rà soát, đánh giá việc thực hiện các quy chế tuyển dụng, sử dụng lao động, quy chế trả lương, quy chế thưởng của đơn vị. Trường hợp có nội dung không đúng quy định hoặc không phù hợp, phân công thẩm quyền, trách nhiệm trong việc tuyển dụng, sử dụng lao động chưa rõ thì phải sửa đổi, bổ sung quy chế. Đồng thời thực hiện nghiêm túc việc công khai quy định về tuyển dụng, ký hợp đồng lao động và thực hiện chế độ, chính sách đối với người lao động.

b) Đánh giá tình hình sử dụng lao động năm 2013 và năm 2014 theo kế hoạch đã được phê duyệt. Báo cáo đánh giá phải phân tích rõ ưu điểm, hạn chế trong việc tuyển dụng, sử dụng lao động; số lao động tuyển dụng mới trong năm so với kế hoạch (theo từng loại lao động chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ, phục vụ...); số lao động thiếu việc làm; số lao động phải đào tạo, đào tạo lại; số lao động phải chấm dứt hợp đồng do không bố trí được việc làm; nguyên nhân chủ quan, khách quan, trách nhiệm của từng cá nhân và các biện pháp đã khắc phục hạn chế theo quy định tại Điều 3 và Điều 4 Thông tư số 18/2013/TT-BLĐTBXH ngày 9 tháng 9 năm 2013 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

c) Báo cáo tình hình sử dụng lao động, xác định quỹ tiền lương, quỹ tiền thưởng và phân phối tiền lương, tiền thưởng năm 2013, kế hoạch năm 2014 và thực hiện 9 tháng đầu năm ở công ty mẹ và các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước làm chủ sở hữu theo biểu mẫu số 1, số 2 kèm theo công văn này và các biểu mẫu kèm theo Thông tư số 18/2013/TT-BLĐTBXH, số 19/2013/TT-BLĐTBXH nêu trên. Đối với trường hợp tuyển dụng lao động vượt quá kế hoạch đã được phê duyệt thì phải ghi rõ theo từng loại lao động và lý do tuyển vượt quá kế hoạch.

Báo cáo gửi về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và cơ quan chủ sở hữu trước ngày 15 tháng 11 năm 2014.

d) Chỉ đạo kiểm tra, chấn chỉnh việc tuyển dụng, sử dụng lao động, xác định quỹ tiền lương, quỹ tiền thưởng và phân phối tiền lương, tiền thưởng ở các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do công ty mẹ làm chủ sở hữu.

3. Kiểm soát viên công ty mẹ của Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước:

a) Rà soát, kiểm tra các quy chế, quy trình tuyển dụng, sử dụng lao động, xác định quỹ tiền lương, quỹ tiền thưởng và phân phối tiền lương, tiền thưởng của đơn vị và báo cáo chủ sở hữu theo quy định tại Thông tư số 18/2013/TT-BLĐTBXH, số 19/2013/TT-BLĐTBXH nêu trên.

b) Trường hợp phát hiện nội dung các quy chế, quy trình tuyển dụng, sử dụng lao động, xác định quỹ tiền lương, quỹ tiền thưởng và phân phối tiền lương, tiền thưởng không đúng quy định hoặc không phù hợp thì đề nghị Hội đồng thành viên chỉ đạo sửa đổi, điều chỉnh, đồng thời báo cáo chủ sở hữu kịp thời xử lý.

4. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sẽ phối hợp với chủ sở hữu kiểm tra việc thực hiện tuyển dụng, sử dụng lao động, thực hiện chính sách tiền lương đồng thời tổng hợp tình hình tuyển dụng, sử dụng lao động, tiền lương của các doanh nghiệp nhà nước báo cáo Thủ tướng Chính phủ để có hình thức khen thưởng phù hợp đối với doanh nghiệp thực hiện tốt quy định về tuyển dụng, sử dụng lao động, thực hiện chính sách tiền lương đồng thời nhắc nhở, phê bình hoặc có các hình thức kỷ luật khác phù hợp để xử lý các doanh nghiệp sử dụng không nghiêm các quy định về quản lý lao động, tuyển dụng, sử dụng lao động không đúng với kế hoạch được duyệt, chất lượng lao động không đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh, thực hiện chính sách tiền lương, tiền thưởng không đúng quy định của Nhà nước.

Đề nghị Bộ trưởng Bộ quản lý ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước khẩn trương chỉ đạo thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Sở LĐTBXH tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Lưu: VT, Vụ LĐTL.

BỘ TRƯỞNG

Phạm Thị Hải Chuyên

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG LAO ĐỘNG NĂM 2013 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2014

(Kèm theo công văn số 3556/LĐTBXH-LĐTL ngày 26 tháng 9 năm 2014 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Đơn vị tính: người

| Chi tiêu | Tình hình sử dụng lao động năm 2013 | | | | | | Tình hình sử dụng lao động năm 2014 | | | |
|--|-------------------------------------|--|-------------------------------------|---------------------------------|--|------------------------------------|--|---|------------------------------------|----|
| | Tổng số lao động kế hoạch | Tổng số lao động thực tế có mặt ngày 01/01 | Tổng số lao động giảm trong năm (3) | Tổng số lao động tăng trong năm | Tổng số lao động thực tế có mặt ngày 31/12 | Lao động thực tế sử dụng bình quân | Thực hiện 9 tháng | | | |
| | | | | | | | Tổng số lao động thực tế có mặt ngày 01/01 | Tổng số lao động thực tế có mặt ngày 30/9 | Lao động thực tế sử dụng bình quân | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 |
| I. Tổng số lao động: | | | | | | | | | | |
| 1. Lao động quản lý (1) | | | | | | | | | | |
| 2. Lao động chuyên môn, nghiệp vụ | | | | | | | | | | |
| 3. Lao động trực tiếp sản xuất, kinh doanh | | | | | | | | | | |
| 4. Lao động thừa hành, phục vụ | | | | | | | | | | |
| II. Trình độ lao động (2): | | | | | | | | | | |
| 1. Đại học trở lên | | | | | | | | | | |
| 2. Cao đẳng | | | | | | | | | | |
| 3. Trung học chuyên nghiệp | | | | | | | | | | |
| 4. Sơ cấp | | | | | | | | | | |
| 5. Công nhân kỹ thuật | | | | | | | | | | |
| 6. Chưa qua đào tạo | | | | | | | | | | |

Ghi chú: (1) Bao gồm các Trưởng phòng (ban), Phó Trưởng phòng (ban) và tương đương theo cơ cấu tổ chức, điều lệ của công ty. Không bao gồm Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc, Phó tổng giám đốc hoặc Phó giám đốc, Kế toán trưởng.

(2) Ghi theo bằng cấp cao nhất đạt được.

(3) Số lao động thôi việc, mất việc, nghỉ hưu..... trong năm.

Người lập biểu
 (Ký và ghi rõ họ tên, chức vụ)

....., ngày.....tháng.....năm.....

Thủ trưởng đơn vị
 (Ký tên, đóng dấu)

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG LAO ĐỘNG NĂM 2013 VÀ NĂM 2014

(Kèm theo công văn số 3556/LĐTBXH-LĐTL ngày 26 tháng 9 năm 2014 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Đơn vị tính: người

| Số TT | Tên công ty | Năm 2013 | | | | | | Năm 2014 | | | | | |
|------------------|---|-----------------------------------|----------------------|-----------------------------|------------------------------------|----------------------|-----------------------------|-----------------------------------|----------------------|-----------------------------|---|----------------------|-----------------------------|
| | | Kế hoạch (đến ngày 31/12/2013) | | | Thực hiện (đến ngày 31/12/2013) | | | Kế hoạch (đến ngày 31/12/2014) | | | Thực hiện 9 tháng (đến ngày 30/9/2014) | | |
| | | Tổng số lao động sử dụng | Trong đó | | Tổng số lao động sử dụng | Trong đó | | Tổng số lao động sử dụng | Trong đó | | Tổng số lao động sử dụng | Trong đó | |
| | | | Số lao động cũ | Số lao động tuyển mới | | Số lao động cũ | Số lao động tuyển mới | | Số lao động cũ | Số lao động tuyển mới | | Số lao động cũ | Số lao động tuyển mới |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 |
| 1 | Tổng công ty A - Công ty mẹ - Công ty con (1) | | | | | | | | | | | | |
| 2 | Tổng công ty B - Công ty mẹ - Công ty con | | | | | | | | | | | | |
| 3 | | | | | | | | | | | | | |
| Tổng cộng | | | | | | | | | | | | | |

Ghi chú: (1) Công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do công ty mẹ làm chủ sở hữu.